

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS - ST.

Ngày: 28/02/2018.

V/v tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Ngọc Lâm.

Ông Nguyễn Thanh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2017/TLST - DS ngày 06 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị L, sinh năm 1975 (có mặt).

Ông Quách Hoài H, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Lữ Minh Q, sinh năm 1983 (có mặt).

Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1952 (có mặt).

Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1952 (có mặt).

Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 30/9/2017 của bà Mai Thị L và ông Quách Hoài H (nguyên đơn) cùng trình bày: Vào năm 2014 âm lịch vợ chồng ông bà có

tham gia chơi hụi và mua hụi do bà Nguyễn Kim T và ông Lữ Minh Q làm chủ hụi. Đến ngày 30/9/2016 thì ông Q và bà T đình hụi không rõ lý do. Đến thời điểm đình hụi thì bà T và ông Q thiếu vợ chồng ông bà số tiền hụi là 586.430.000 đồng. Ngày 20/11/2016 ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Chí T, ông Lữ Minh Q, bà Nguyễn Kim T đến nhà ông bà để chốt lại số tiền hụi còn thiếu và xin trả phần vốn giảm phần lãi, vợ chồng ông bà đồng ý và cùng ông N, bà Đ, ông T, ông Q, bà T làm giấy nhận nợ với số tiền là 456.000.000 đồng và cam kết đến ngày 30/4/2017 sẽ trả 200.000.000 đồng, còn lại 256.000.000 đồng chia ra trả 30.000.000 đồng/năm và đến năm 2026 thì trả dứt điểm. Nhưng sau đó ông N, bà Đ, ông T, ông Q và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Sau khi đối trừ số tiền 145.440.000 đồng theo bản án hình sự số 33/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H thì ông N bà Đ, ông T, ông Q và bà T còn nợ lại vợ chồng ông bà số tiền 310.560.000 đồng. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu ông N, bà Đ, ông T, ông Q và bà T trả lại cho vợ chồng ông bà số tiền hụi còn nợ là: 310.560.000 đồng (ba trăm mười triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ý kiến bà Nguyễn Kim T (bị đơn) trình bày: Bà thừa nhận có nợ của bà Mai Thị L và ông Quách Hoài H số tiền 310.560.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà L và ông H số tiền 310.560.000 đồng (ba trăm mười triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ý kiến của ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Chí T (bị đơn) trình bày: Không đồng ý có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 310.560.000 đồng cho ông H và bà L. Chỉ đồng ý việc ông Q và bà T có nghĩa vụ trả cho bà L và ông H số tiền 310.560.000 đồng (ba trăm mười triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn bà L, ông H có mặt vẫn bảo lưu quan điểm yêu cầu bị đơn ông N, bà Đ, ông T, ông Q, bà T, thanh toán số tiền nợ hụi còn lại là 310.560.000 đồng theo như cam kết nhận và trả nợ trước đây. Ông N, bà Đ, không thống nhất cùng trả nợ với ông Q và bà T. Lý do ông H và bà L không thực hiện lời hứa không yêu cầu xử lý hình sự đối với con ông, bà là bà T. Đối với ông Q thừa nhận số nợ còn lại và đồng ý trả dần cho ông H và bà L. Ông T và bà T vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc yêu cầu của bà Mai Thị L và ông Quách Hoài H được Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Chí T tại phiên tòa.

[2] Ngày 20/11/2016 ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Kim T có viết giấy nợ tiền hui và cam kết thời gian trả nợ đối với ông Quách Hoài H và bà Mai Thị L với số tiền là: 456.000.000 đồng. Tất cả đồng ý ký tên vào giấy nhận nợ là thực tế có xảy ra. Nay ông N, bà Đ, ông T chỉ thống nhất khoản nợ trên để cho bà T và ông Q thanh toán đối với ông H và bà L, ông N, bà Đ và ông T không có trách nhiệm thanh toán. Xét thấy, năm 2014 bà T là người trực tiếp cùng với chồng là ông Q mở hui, ông H với bà L tham gia chơi hui, mua hui. Đến ngày 30/9/2016, bà T tuyên bố đình hui, sau khi đình hui chốt lại thì bà T và ông Q nợ ông H và bà L là 456.000.000 đồng. Căn cứ theo giấy nhận nợ và thời hạn thanh toán nợ hui ngày 20/11/2016 thì ông N, bà Đ, ông T và bà T là những người trong gia đình cùng thống nhất nhận và trả nợ. Riêng đối với ông Q mặc dù không có ký trong giấy nhận nợ ngày 20/11/2016 nhưng ông Q với bà T là vợ chồng, việc chơi hui ông Q biết và đồng ý. Do đó ông H và bà L yêu cầu ông N, bà Đ, ông T, bà T và ông Q thanh toán nợ hui là có căn cứ. Tuy nhiên, theo giấy nhận nợ thì tổng số tiền nợ là 456.000.000 đồng, do quá trình chơi hui bà T có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bà T đã được Tòa án nhân dân huyện H đưa ra xét xử hình sự, tại bản án số 33/2017/HSST ngày 27/9/2017 xác định bà T lừa đảo chiếm đoạt của ông H, bà L số tiền 145.440.000 đồng và đã buộc bà T có trách nhiệm bồi thường cho ông H và bà L nên số tiền còn lại ông H bà L yêu cầu ông N, bà Đ, ông T, bà T và ông Q thanh toán 310.560.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Kể từ khi ông H và bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông N, bà Đ, ông T, bà T và ông Q chậm trả khoản tiền trên cho ông H và bà L thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Áp dụng áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông N, bà Đ, ông T, bà T và ông Q phải nộp là: 15.528.000 đồng. Phần dự nộp của ông H và bà L được nhận lại.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Chí T tại phiên tòa.

Căn cứ vào Điều 471; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu đòi thanh toán tiền nợ hui của ông Quách Hoài H và bà Mai Thị L đối với ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Kim T, ông Lữ Minh Q. Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Kim T, ông Lữ Minh Q có nghĩa vụ thanh toán cho ông Quách Hoài H và bà Mai Thị L số tiền nợ hui là: 310.560.000 đồng (ba trăm mười triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ khi ông H và bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông N, bà Đ, ông T, bà T và ông Q chậm trả khoản tiền trên cho ông H và bà L thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Kim T, ông Lữ Minh Q phải nộp là: 15.528.000 đồng. Phần dự nộp của ông Quách Hoài H và bà Mai Thị L số tiền 5.560.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013888 ngày 06/10/2017 ông H, bà L được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lê Minh Khánh

